

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

### QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 215/2004/QĐ-TTg ngày 29/12/2004 về giá bán điện.

#### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Pháp lệnh Giá số 40/2002/PL-UBTVQH10 ngày 26 tháng 4 năm 2002; Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp,*

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành giá bán điện phục vụ cho sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng sinh hoạt, cơ quan hành chính sự nghiệp áp dụng trong các hợp đồng mua bán điện trực tiếp với các đơn vị bán lẻ điện như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Giá bán điện quy định tại phụ lục kèm theo Quyết định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**Điều 2.** Bộ Công nghiệp phối hợp với Bộ Tài chính có biện pháp chỉ đạo thực hiện nghiêm mức giá trần điện sinh hoạt nông thôn theo quy định tại Công văn số 1303/CP-KTTH ngày 03 tháng 11 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo tăng cường công tác quản lý đối với các đơn vị, tổ chức bán điện đến hộ dân nông thôn, bảo đảm thực hiện nghiêm túc mức giá trần nêu trên.

**Điều 3.** Các đơn vị sản xuất, kinh doanh điện phải tăng cường các biện pháp nhằm nâng cao năng suất lao động và chất lượng phục vụ, giảm tổn thất điện năng, hạ chi phí sản xuất điện để tăng vốn cho đầu tư phát triển. Các doanh nghiệp phải có biện pháp sử dụng điện hợp lý, nhất là vào giờ cao điểm, hết sức tiết kiệm để giảm chi phí tiền điện trong giá thành.

**Điều 4.** Giao Bộ Công nghiệp chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu xây dựng cơ chế điều chỉnh giá bán điện tự động theo biến động giá của các yếu tố đầu vào, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

**Điều 5.** Bộ trưởng Bộ Công nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2005. Những quyết định ban hành trước đây của Thủ tướng Chính phủ trái với Quyết định này đều hết hiệu lực thi hành.

**Điều 6.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**Phan Văn Khải**

**Phụ lục**  
**GIÁ BÁN ĐIỆN**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 215/2004/QĐ-TTg  
ngày 29/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ).*

Đơn vị tính: đ/kwh

Số thứ tự	Đối tượng áp dụng giá	Mức giá
1	Giá bán điện cho sản xuất	
1.1	Các ngành sản xuất bình thường	
1.1.1	Cấp điện áp từ 110 KV trở lên	
	a) Giờ bình thường	785
	b) Giờ thấp điểm	425
	c) Giờ cao điểm	1.325
1.1.2.	Cấp điện áp từ 22 KV đến dưới 110 KV	
	a) Giờ bình thường	815
	b) Giờ thấp điểm	445
	c) Giờ cao điểm	1.370
1.1.3	Cấp điện áp từ 6 KV đến dưới 22 KV	
	a) Giờ bình thường	860
	b) Giờ thấp điểm	480
	c) Giờ cao điểm	1.430
1.1.4	Cấp điện áp dưới 6 KV	
	a) Giờ bình thường	895
	b) Giờ thấp điểm	505
	c) Giờ cao điểm	1.480
1.2	Sản xuất đặc thù	
1.2.1	Bơm nước tưới tiêu	
1.2.1.1	Cấp điện áp từ 6 KV trở lên	
	a) Giờ bình thường	600
	b) Giờ thấp điểm	240
	c) Giờ cao điểm	950
1.2.1.2	Cấp điện áp dưới 6 KV	
	a) Giờ bình thường	630
	b) Giờ thấp điểm	250
	c) Giờ cao điểm	1.000
1.2.2	Sản xuất đặc thù khác	

Số thứ tự	Đối tượng áp dụng giá	Mức giá
1.2.2.1	Cấp điện áp từ 110 KV trở lên	
	a) Giờ bình thường	740
	b) Giờ thấp điểm	390
	c) Giờ cao điểm	1.265
1.2.2.2	Cấp điện áp từ 22 KV đến dưới 110 KV	
	a) Giờ bình thường	770
	b) Giờ thấp điểm	410
	c) Giờ cao điểm	1.310
1.2.2.3	Cấp điện áp từ 6 KV đến dưới 22 KV	
	a) Giờ bình thường	795
	b) Giờ thấp điểm	425
	c) Giờ cao điểm	1.350
1.2.2.4	Cấp điện áp dưới 6 KV	
	a) Giờ bình thường	835
	b) Giờ thấp điểm	445
	c) Giờ cao điểm	1.420
<b>2.</b>	<b>Giá bán điện cho các cơ quan hành chính sự nghiệp</b>	
2.1	Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường học phổ thông	
2.1.1	Cấp điện áp từ 6 KV trở lên	780
2.1.2	Cấp điện áp dưới 6 KV	820
2.2	Chiếu sáng công cộng	
2.2.1	Cấp điện áp từ 6 KV trở lên	860
2.2.2	Cấp điện áp dưới 6 KV	895
2.3	Hành chính sự nghiệp	
2.3.1	Cấp điện áp từ 6 KV trở lên	885
2.3.2	Cấp điện áp dưới 6 KV	920
<b>3.</b>	<b>Giá bán điện sinh hoạt</b>	
3.1	Điện tiêu dùng sinh hoạt bậc thang	
3.1.1	Cho hộ có sản lượng sử dụng đến 300 Kwh/tháng	
3.1.1.1	Cho 100 KWh đầu tiên	550
3.1.1.2	Cho Kwh từ 101 - 150	900
3.1.1.3	Cho Kwh từ 151 - 200	1.210
3.1.1.4	Cho Kwh từ 201 - 300	1.340
3.1.2	Cho hộ có sản lượng sử dụng trên 300 Kwh/tháng	
3.1.2.1	Cho 200 Kwh đầu tiên	1.100

Số thứ tự	Đối tượng áp dụng giá	Mức giá
3.1.2.2	Cho Kwh từ 201 - 300	1.340
3.1.2.3	Cho Kwh từ 301 - 400	1.400
3.1.2.4	Cho Kwh từ 401 trở lên	1.500
3.2	Giá bán điện theo thời gian ngày	
	a) Giờ bình thường	1.300
	b) Giờ thấp điểm	750
	c) Giờ cao điểm	1.950
3.3	Giá bán buôn điện sinh hoạt	
3.3.1	Bán buôn cho điện nông thôn	
3.3.1.1	Điện phục vụ sinh hoạt	390
3.3.1.2	Điện cho các mục đích khác	730
3.3.2	Bán buôn cho khu tập thể, cụm dân cư	
3.3.2.1	Điện phục vụ sinh hoạt	
	a) Bán qua máy biến áp của khách hàng	570
	b) Bán qua máy biến áp của ngành điện	580
3.3.2.2	Điện cho các mục đích khác	770
<b>4.</b>	<b>Giá bán điện cho kinh doanh</b>	
4.1	Cấp điện áp từ 22 KV trở lên	
	a) Giờ bình thường	1.260
	b) Giờ thấp điểm	690
	c) Giờ cao điểm	2.110
4.2	Cấp điện áp từ 6 KV đến dưới 22 KV	
	a) Giờ bình thường	1.350
	b) Giờ thấp điểm	790
	c) Giờ cao điểm	2.190
4.3	Cấp điện áp dưới 6 KV	
	a) Giờ bình thường	1.410
	b) Giờ thấp điểm	815
	c) Giờ cao điểm	2.300